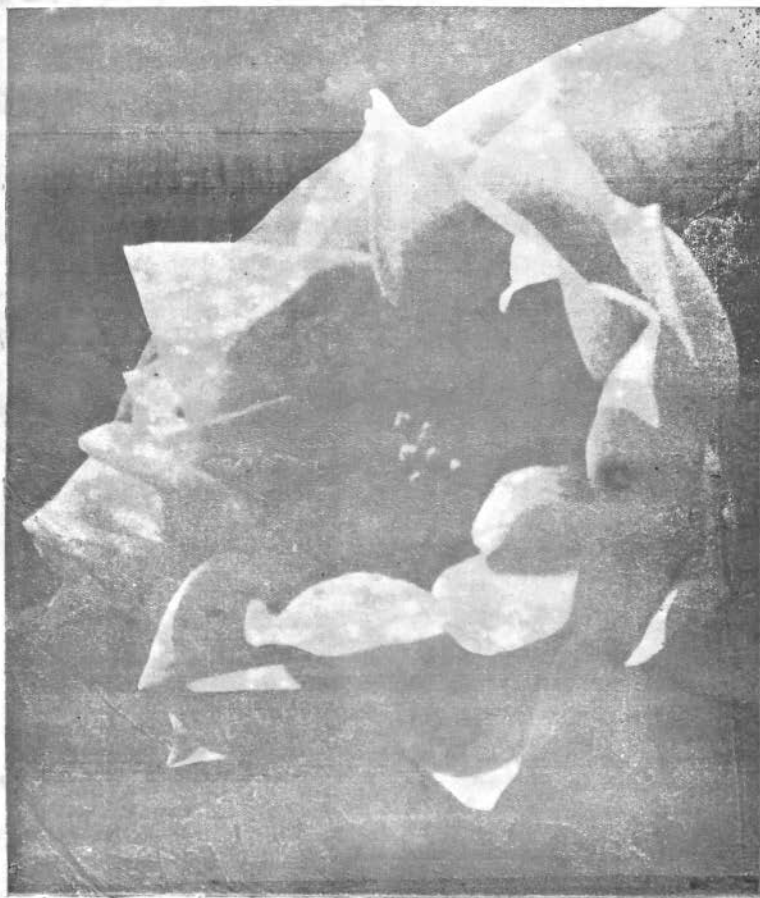


VIÊN-ÂM

CƠ QUAN HOẢNG PHÁP CỦA HỘI VIỆT NAM PHẬT HỌC



Số 114, Ra ngày mùng Tám tháng Năm Phật-lich 2515

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày Đản Sinh của Đức Thế Tôn là ngày trăng tròn tháng tư. Chúng tôi xin trích bài nghiên cứu về « Ngày, tháng, và năm của Phật giáng sinh, và nhập diệt » để cất nghĩa sự kiện lịch sử ấy. Lịch sử ấy hội viên hội VIỆT-NAM PHẬT-HỌC chúng ta đều biết cả, và cách đây tám năm Hội chúng ta đã làm lễ kỷ niệm đúng ngày ấy bốn năm năm. Nhưng vạn sự khởi đầu nan, nên cái ngày kỷ niệm theo tục lệ, ngày 8-4, mọi người vẫn theo. Nay theo chỉ thị của Tổng Hội Phật Giáo Thế Giới và Toàn Quốc thì từ rày phải đi hành lễ kỷ niệm Ngày Đản Sinh của Phật đúng vào ngày trăng tròn tháng tư (tức là ngày 15 hay có khi là ngày 16 tháng 4, tùy theo hành độ của con trăng, và bao giờ cũng được báo trước rất sớm).

Năm nay Ngày Trăng Tròn đúng vào ngày 16 tháng 4, tức ngày 9-5 dương lịch. Ngay ấy theo chỉ thị của Tổng Hội Phật Giáo Thế Giới và Toàn Quốc, thì đề kỷ niệm Ngày Đản Sinh của Đức Thế Tôn, hết thầy Phật Tử Việt Nam hãy cùng với toàn thể Phật Tử khắp thế giới im lặng trong hai phút vào hồi 12 giờ trưa để cùng thể nhập « tư bi quán » cho lòng tư tưởng bao trùm khắp thế giới.

Hai phút im lặng! Hai phút mà tất cả thế giới loài người tự động ngưng lại hết thầy tư tưởng và hành động độc ác, làm im lặng hẳn sự chèn giết, sự làm tội tình lẫn nhau. Hai phút im lặng như thế ít nhất sau đó cũng làm cho con người biết tự hỏi mình làm gì, làm có đúng không, trong những hành động của mình. Hai phút im lặng chỉ có thể không thôi, cũng vơi đại làm rồi, huống chi còn thể nhập tư-bi-quan để trong lòng thương tư bi rộng lớn, loài người tự khởi lên, tự gọi lên trong lòng mình sự thương yêu nhau, cứu giúp nhau. Thật là cả một thế giới đau thương sụp đổ, đồng thời cả một thế giới an lạc hiện khởi, trong hai phút im lặng ấy.

Nhưng « tư bi quán » như thế nào? Là dùng tư duy lấy ngay khu vực mình ở chia tất cả mọi người ra thân, vừa, và sơ; rồi đảo lại, thương người sơ và người vừa cho bằng người thân.

Quán một chỗ mình ở xong thì lan dần ra, quán khắp đến toàn thể giới loài người và mọi loài khác. Khi thấy hết thầy đều là người thân, lòng từ bi mình thương tất cả như thương người thân, thì lúc ấy tư-bi-quán thành tựu. Nhưng đó là cách quán dần dần (tiệm). Còn cách quán liền liền (đốn) thì xem tất cả muôn loài in như con một, tức tư-bi-quán thành tựu. Hai cách này đi đứng năm ngời, trong tất cả động tác hàng ngày đều thật hành được cả.

« Tư bi quán » như vậy có lợi ích gì?

Thế giới của loài người và của muôn loài sò đi diên đảo và khổ sở là vì không thương nhau và giúp nhau mà còn mưu toan xâm phạm tánh mạng và hạnh phúc của nhau. Tư-bi-quán tiêu hết tư tưởng ấy đi mà huân tập cho loài người và muôn loài cái tư tưởng thương nhau giúp nhau. Mà tư tưởng đã thương giúp nhau thì ý nghĩ xâm phạm tánh mạng tài sản của nhau đã không có rồi, làm gì còn có đấu tranh tàn sát nhau nữa? Tư-bi-quán diệt ý tưởng « đánh nhau để sống » mà luyện cho người tư tưởng « giúp nhau sống còn »; và sự thật quả là như vậy, giúp nhau mới cùng nhau sống còn được.

Người ta cho đó là một không tưởng chăng? Nhưng thực tế, tất cả khi cụ thể sống còn loài người lại đem khi cụ thể để bóc lột nhau, tàn sát nhau. Thế là Hạnh-Phúc ở chỗ « phải biết dùng », nghĩa là ở tư tưởng chứ không phải ở mọi khi cụ. Mà Tư-bi-quán là phương pháp làm cho tự mới người luyện cho mình tư tưởng tư-bi để biết dùng những khi cụ cho hợp lý, như thế Hạnh-Phúc chân thật quyết định không những gây dựng được mà còn bảo tồn vĩnh viễn được nữa.

Nay nhân kỷ niệm Ngày Đản-Sinh của Đức Tư-Bi, chúng ta là đệ tử của Ngài, phải thể nhập tư-bi-quán trong ngày ấy và luôn luôn trong hàng ngày, để huân tập tư tưởng tư-bi cho chính mình và đem lòng tư tưởng ấy huân tập cho mọi người. Một nền hòa-bình-chân-thật quyết định có thể thật hiện và quyết định chỉ có thể thật hiện do tư-bi-quán ấy.

Nam mô Đại-tử Đại-bi Bồn-Sư THÍCH CA MẬU NI PHẬT

CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA

của TÂM MINH

Lịch sử của Phật là một điều khó khảo cứu hơn hết, một là vì các vị đệ-tử thân thừa của Phật chỉ chuyên giảng dạy giáo pháp chứ ít đề ý đến lịch sử, hai là vì ở Ấn-độ người ta hay đặt tên trùng nhau, và bỏ cõi lại chia ra nhiều nước, mỗi nước đều có vua, có niên hiệu khác nhau, lắm khi ông vua này lại trùng tên với ông vua kia, nên khó bề cứu xét cho tường tận.

Trong nước ta xưa nay thường theo CHÁU THƯ DỊ KỶ mà tưởng rằng Phật giáng sinh về mùng 8 tháng 4 năm giáp-dần thứ 24 vua Chiêu vương đời Châu. CHÁU THƯ DỊ KỶ có nói: «Vua Chiêu-vương đời Châu tức vị đã -4 năm, đến ngày mùng 8 tháng 4 năm giáp-dần, bỗng thấy sông suối giếng ao nước đều dâng lên, rừng núi đất ruộng khắp nơi rung động, hào quang năm sắc thấu đến Thái-vi, chói cùng bốn phương đều hóa thành sắc xanh sắc đỏ. Vua hỏi quan Thái-sư tên là Tô-Do: Đó là điềm gì? Thì Tô Do thưa: Có vị Thành-nhân sanh ở phương tây nên hiện điềm này. Vua hỏi: Về thiên hạ của nhà Châu, có quan hệ gì không? Tô Do thưa: Ngoài một ngàn năm nữa, ngôn giáo sẽ truyền qua xứ này. Thế rồi vua Chiêu vương nhà Châu sắc khác đá làm bia ký đề ghi câu chuyện ấy, chôn ở trước đền Nam-Giao».

Lời Tô Do nói rất hờn hăm, chưa hề chỉ đích là Phật giáng sinh trong xứ Ấn-độ, thế mà đến đời Hán Minh-đế, có vị pháp-sư viện theo chuyện ấy mà nói rằng: Phật giáng-sinh về ngày 8 tháng 4 năm giáp-dần đời vua Châu Chiêu-vương.

Về sau vua đời nhà Đường, trong năm thứ ba niên hiệu Trinh-quán, vì thấy lắm người căn cứ nơi các Kinh-diễn mới truyền sang mà chủ trương nhiều thuyết khác nhau, nên hạ chiếu cho ông Lưu-Đức-Oai, ông Pháp-Lâm và nhiều vị khác lập ra một ban để xét định thời kỳ

giáng sinh và nhập diệt của Phật. Các Ông này lại định rằng: «Phật giáng sinh về đời vua Chiêu-vương nhà Châu và nhập diệt về đời vua Mục-vương nhà Châu».

Vua nhà Đường ban chiếu cùng khắp trong nước, quyết định y theo lời các ông ấy, nên từ đó về sau, không còn ai dám chỉ trích và các nhà phát hành Kinh-diễn thường phải sửa đổi ngày giờ lại đúng với chiếu-chỉ. Nhân đó mà trong nhiều kinh, như kinh PHƯƠNG ĐĂNG NÊ HOÀN, kinh PHẬT BÁT NIỆT BẢN về tương sau đều có nói rằng: «Phật giáng sinh ngày mùng tám tháng tư, Phật xuất gia ngày mùng tám tháng tư, Phật thành đạo ngày mùng tám tháng tư, Phật nhập diệt ngày mùng tám tháng tư».

Lại trong nhiều kinh, như kinh BỒ TÁT XỨ THAI, thì nói là mùng tám tháng hai; mùng tám vì theo chiếu chỉ nhà vua, tháng hai vì dịch thẳng theo tháng Ấn-độ; hoặc vì nghĩ rằng: Đời nhà Châu lấy tháng Tý làm tháng giêng thì tháng tư của nhà Châu tức là tháng Mão, nghĩa là tháng hai của đời nhà Đường.

Lại có người xem trong các Kinh nói Phật giáng sinh vào ngày mùng tám tháng hai thì tưởng là tháng hai đời nhà Châu nên đem lùi ngày giáng sinh về ngày mùng tám tháng chạp.

Lại có nhiều người thấy trong kinh ĐẠI BÁT NIỆT BẢN dịch thẳng ngày nhập diệt là ngày rằm tháng hai, nên làm lễ vía về ngày rằm tháng hai.

Về sau có người dung hiệp các thuyết và chia các ngày mùng 8-12, mùng 8-2, ngày 15-2 và ngày mùng 8-4 làm bốn lễ vía của Đức Phật Thích Ca. Cách sau này lưu truyền lan khắp nước Tàu cho đến nước ta ngày nay. Nhưng

nếu xét rõ nguyên ủy thì chỉ do lời ứ đoán của ông Tô-Đo, chứ không cầu cơ nào nữa.

Muốn khảo sát một cách đúng đắn các lịch sử của Phật, sau khi nhận xét những trường hợp như trên, chúng ta quyết định cần phải căn cứ nơi các kinh điển chữ Phạn và chữ Ba-ly.

Theo sự khảo cứu của Thầy Pháp-Châu, một vị pháp-sư đã nhiều năm du học ở xứ Tích-Lan, Tây-Tạng, rất tinh tường về chữ Phạn và chữ Ba-ly, thì trong nguyên bản các kinh bằng chữ Phạn và chữ Ba-ly ấy đều nói: *Phật giáng sinh, xuất gia, thành đạo, nhập diệt đều về ngày trăng tròn tháng Vésákha.*

Nguyên Ấn-độ vẫn theo âm lịch, một năm là mười hai tháng, chia ra làm ba mùa như sau này:

MÙA NÓNG :	Tháng thứ nhất :	Citta,
	Tháng thứ hai :	Vésákha,
	Tháng thứ ba :	Jetla,
	Tháng thứ tư :	Asálha,
MÙA MƯA :	Tháng thứ năm :	Savana
	Tháng thứ sáu :	Pottápáda
	Tháng bảy bàm :	Assayuja,
	Tháng thứ tám :	Kattika ;
MÙA LẠNH :	Tháng thứ chín :	Maggasira,
	Tháng thứ mười :	Phussa,
	Tháng mười một :	Mágha,
	Tháng mười hai :	Phagguma.

Hiện nay ở Tích-Lan cũng còn theo lịch ấy. Mà tháng Citta chính là tháng ba (tháng Thìn) của âm lịch bên Tàu, còn tháng Vésákha là tháng tư (tháng Tỵ) của âm lịch Tàu. Vậy ngày trăng tròn tháng Vésákha chính là ngày rằm tháng tư. Phật giáng sinh, xuất gia, thành đạo và nhập diệt đều ở trong ngày ấy. Hiện nay ở Tây-Tạng, ở Ấn-độ, ở Tích-lan, ở Diêm-điện, ở Xiêm-la, ở Lào, ở Cao-mên, đều làm lễ kỷ niệm trong ngày RẪM THÁNG TƯ, (trừ các năm nhuận thì có khi sẽ xích một tháng).

Về thọ khảo của Phật thì trong kinh ĐẠI NIẾT BÀN chữ Ba-ly, chính đức Phật đã dạy rằng: «Tu bát đà la! Lúc hai mươi chín tuổi tôi xuất gia tìm cầu chánh-pháp, từ khi tôi xuất gia đến nay đã được năm mươi một năm». Ông

Tu-bạt-dà-la là vị đệ tử sau rốt mà Phật đã hóa độ trong ngày nhập diệt, vậy thọ khảo của Phật là : 29 ngày 51 thành 80 tuổi.

Trong kinh NIẾT BÀN chữ Phạn ở Tây-tạng cũng có câu: «Tu bát đà la! Lúc 29 tuổi xuất gia học đạo, đến 36 tuổi tôi suy xét bát-thánh-đạo dưới cây bồ-đề đến chỗ rốt ráo mà thành lực Chánh-dương-chánh-giác». Vậy đầu theo Nam-phái (tiếng Ba-ly) hay theo Bắc-phái (tiếng Phạn), trong kinh điển đều có nói Phật xuất gia lúc 29 tuổi, đó là bằng cứ rõ ràng, không còn thuyết nào chen vào được nữa.

Còn về năm nhập diệt của Phật thì xét trong tự-phẩm của bản THIÊN KIẾN LUẬT chữ Ba-ly, có nói: «Về lịch đại truyền phủ Luật-tạng thì tôi sẽ theo thứ lớp kê danh hiệu như sau này: thứ nhất là ông Ưu-ba-ly, thứ nhì là Đà-là-câu, thứ ba là Tu-na-câu, thứ tư là Tấ-dá-bà, thứ năm là Mục-kiền-liên-tử-đế-tu, năm ông Pháp-sư ấy ở cõi Diêm-phù-đề thứ lớp truyền phủ Luật-tạng cho nhau để khỏi đoạn tuyệt, cho đến khi kết tập lại Luật-tạng lần thứ ba».

Sau khi kết tập Luật-tạng lần thứ ba rồi, Ông Mục-kiền-liên-tử-đế-tu lúc gần nhập diệt, truyền phủ cho đệ tử là ông Ma-tê-dà, ông Ma-tê-dà, con vua A-duc-vương, cầm Luật-tạng đến nước Su-từ (Tích-lan). Ông Ma-tê-dà khi gần nhập diệt thì truyền phủ cho đệ tử là Ông A-lật-sá, rồi từ đó truyền thọ mãi mãi cho đến ngày nay».

Lại cũng trong THIÊN KIẾN LUẬT có câu «Chúng-tăng thọ trai rồi liền tôn Ông Mục-kiền-liên-tử-đế-tu làm hòa thượng, Ông Ma-ha-đề-bà làm a xà lè truyền thọ thập giới, Ông đại đức Ma-xiễn-đế làm a xà lè truyền thọ cụ túc giới; lúc ấy Ông Ma-tê-dà tuổi đúng 20, thọ lãnh cụ túc giới. . . . Từ khi Vua A-duc lên ngôi tới lúc đó đã được sáu năm». Lại nói: «Khi vua A-duc-vương lên ngôi được 18 năm thì Ông Ma-tê-dà đến nước Su-từ». Lại nói: «Khi các vị đại đức đến nước Su-từ rồi thì Ông Ma-tê-dà làm vị thượng tọa; lúc bấy giờ Phật niết bàn đã được 236 năm; năm ấy là năm Phật-Pháp lưu thông đến nước Su-từ».

Lại theo sử Tích Lan, Ông Ma-Tê-Dà qua truyền Phật-Pháp chính trong lúc vua đời thứ sáu, hiệu là Thiên-ái-đế-tu, mới tức vị được độ

vài tháng; vua Thiên-ái-đế-tu tại vị được 40 năm mới yên giá; con là vua Ô-đề-Nha nối ngôi tại vị được 10 năm. Ông Ma-Tê-Đà nhập diệt về ngày 23 tháng 9 (lịch Tàu) năm thứ 8 của Vua Ô-đề-Nha. Hiện nay ở Tích-Lan vẫn còn kỷ niệm ngày ấy, gọi là Ngày Ma-Tê-Đà.

So với tây-lịch thì cái năm mà vua Thiên-ái-đế-tu tức vị là năm 247 trước tây-lịch.

Vậy thì năm nhập diệt của Phật tức là năm: 247 cộng với 236 thành ra 483 năm trước tây-lịch. Còn năm Phật giáng sinh thì: 483 cộng với 80 thành ra 563 năm trước tây-lịch.

Các con số đó so với CHUNG THÀNH ĐIỆM KỶ thì in tưởng có sai mất ba năm.

CHUNG THÀNH ĐIỆM KỶ nguyên do bởi đâu? Nguyên Ông Ưu-Ba-Ly sau khi Phật nhập diệt, liền kiết tập Luật-tạng, rồi đến ngày rằm tháng bảy năm ấy, sau lúc tự-tử, Ông Ưu-Ba-Ly lấy hương hoa cúng dường Luật-tạng và chấm một chấm đề trước Luật-tạng. Mỗi năm, mỗi năm, ông Ưu-Ba-Ly cũng chấm như vậy; đến khi gần nhập diệt thì ông truyền phủ cho đệ tử là ông Đa-Tá-Câu. Ông Đa-Tá-Câu mỗi năm, mỗi năm cũng chấm như vậy, rồi đến khi gần nhập diệt thì truyền phủ cho ông đệ tử là ông Tu-Na-Câu. Thầy trò truyền cho nhau mãi mãi, mỗi năm đến ngày tự-tử cũng chấm một chấm, lần đến Ông Tăng-Già-Bạc-Đà-La. Ông này đem Luật-Tạng sang Tàu, ở chùa Túc-lâm, đất Quảng-châu, dịch ra bộ THIÊN KIẾN LUẬT trong năm Vĩnh-Minh thứ bảy. Năm ấy Ông Tăng-Già Bạc-Đà-La sau khi tự-tử, cũng theo khuôn phép cũ, đem hương hoa cúng dường Luật-tạng và chấm một chấm.

Từ khi Ông Tăng-Già Bạc-Đà-La trở về Ấn-độ, các vị Luật-sư bên Tàu chỉ phụng thờ các chấm ấy, chứ không ai dám chấm thêm một chấm nào nữa. Các chấm ấy cộng được 975 chấm, gọi là CHUNG THÀNH ĐIỆM KỶ.

Lời nói trên là căn cứ nơi bộ LỊCH ĐẠI TAM BẢO KỶ của Ông Phi-Trưởng-Phong. Xét ra thì năm Vĩnh-Minh thứ bảy chính là năm 489 của tây lịch; vậy kể theo CHUNG THÀNH ĐIỆM KỶ thì năm Phật nhập diệt là năm: 975 trừ đi 489 thành ra 486 năm trước tây lịch, nghĩa là trội hơn số trước ba năm.

Xét như vậy thì hai con số vẫn không phù hợp, nhưng xem lại trong TAM TANG KỶ TẬP có nói: « Một vị ty-kheo ở kinh-sư tên là Tịnh-Tử, trong năm Vĩnh-Minh thứ 10 (492) đến Quảng-

châu ngày mồng 10 tháng 3 ra mắt Ông Tăng-Già-Bạc-Đà-La và sao lại bộ THIÊN KIẾN LUẬT, Ông Tăng-Già-Bạc-Đà-La rằm ấy mới trở về Ấn-độ». Thế thì Ông Tăng-Già-Bạc-Đà-La còn ở lại Tàu cho đến năm thứ 10 niên hiệu Vĩnh-Minh; trong lúc còn ở lại Tàu, chắc ông cũng mỗi năm đến ngày tự-tử thì chấm một chấm, và cái số 975 điểm là cái số điểm của năm Vĩnh-Minh thứ 10 (492), chứ không phải số điểm của năm Vĩnh-minh thứ 7 (489).

Khảo cứu như vậy thì dẫn theo CHUNG THÀNH ĐIỆM KỶ, một căn cứ rất có giá trị về Lịch-Sử-Phật ở Tàu, năm nhập diệt của Phật cũng là: 975 trừ đi 492 năm thành ra 483 năm trước tây lịch.

Vậy theo lời khảo cứu rất có căn cứ của Thầy Pháp-Châu thì:

1/ Phật giáng sinh, xuất gia, thành đạo và nhập diệt đều về ngày trăng tròn tháng Vesākha, tức là ngày rằm tháng tư;

2/ Phật giáng sinh về năm 563 trước tây lịch;

3/ Phật xuất gia lúc 29 tuổi và thành đạo lúc 36 tuổi;

4/ Phật nhập diệt lúc 80 tuổi trong năm 486 trước tây lịch.

VIÊN ẨM BỘ CỬ,

số 38, năm thứ tư (1940).

KỶ NIỆM NGÀI THÁI-HƯ-ĐẠI-SƯ

Ngày rằm tháng ba vừa qua, Phật Giáo Trung Việt đã làm lễ kỷ niệm trong toàn cõi, một vị pháp sư hoàng pháp cả thế giới là Thái Hư Đại Sư. Trong thông tư gửi cho các Tỉnh-hội và Chi-hội, Tổng Trị Sự Hội Việt Nam Phật Học chúng ta có nói: Ngài Thái Hư là một vị Đại Sư có công đức lớn lao trong công việc chấn hưng Phật Pháp toàn cả thế giới. Phật Giáo Việt Nam ta được an đức Ngài rất nhiều. Vì vậy, Tổng Trị Sự định từ nay sắp đi sẽ làm lễ kỷ niệm Ngài phur những vị Cao tăng Đại Đức.

Viên Âm chúng tôi hy vọng, như việc kỷ niệm Ngài Thái Hư Đại Sư, Phật Giáo Việt Nam nên làm lễ kỷ niệm chung và có ý nghĩa, những vị tăng già đứ nhập Phật Giáo vào Việt Nam, là ngài Ty-Na-Luu-Chi (người du nhập Phật Giáo vào Bắc Việt) và ngài Nguyên Thiệu (người du nhập Phật Giáo vào Trung và Nam Việt).

THÍCH CA THÊ TÒN

của TUYẾT SON

Giáo chủ của Phật Giáo là đức Phật Thích-Ca-Mâu-Ni. Ngài là bồn sư vô thượng và duy nhất của Tăng-già cùng toàn thể Phật-tử. Đời Ngài là đời giác ngộ, phản ảnh của Chánh-Pháp. Tăng-già cần phải biết cuộc đời ấy để tôn thờ và làm gương cho sự tu hành của mình. Mục đích tu hành của Tăng-già là đi theo dấu chân của Đức Phật để đến bậc đại giác ngộ như Ngài. Chính vì lẽ đó mà Tăng-già phải đặc biệt hiểu Ngài, để sống đúng đời Ngài, đặt dẫn tín đồ đang tin tưởng theo sau mình. Nhìn mặt khác, Tăng-già là những người « đại Phật tuyên dương », thay thế Ngài truyền dạy Chánh-Pháp, giáo hóa quần chúng, nếu vậy thì việc hiểu Đức Phật lại thêm một lý do cần thiết nữa.

Muốn tiện sự hiểu biết về Đức Phật, phải chia ra từng mục sau đây.

1. — DANH HIỆU CỦA ĐỨC PHẬT.

Danh hiệu của Đức Giáo Chủ chúng ta là Thích Ca Mâu Ni. Ấy là danh hiệu dọc theo chữ Phạn. Đọc theo chữ Trung-hoa là Năng Nhân Tịch Mặc. Ý nghĩa danh hiệu ấy, theo đời, thì tức là Đức Thánh (tịch mặc) đồng họ Thích Ca (năng nhân); nhưng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni chính là hồng danh của Đức Phật. Hồng danh ấy biểu thị tất cả trí và đức của Ngài: hoàn toàn đại hùng lực nên gọi là Năng, đầy đủ đại từ bi nên gọi là Nhân, và trọn vẹn đại trí giác nên gọi là Tịch Mặc (tịch mặc: thể chứng chân tánh tịch tịnh). Danh hiệu này, theo Trí-độ-luận và Câu-xá-luận, là do Đức Bồn Sư của chúng ta trước ba vô-số-kiếp từng gặp một Đức Phật, Đức Phật ấy hiệu là Thích Ca Mâu Ni; Đức Bồn Sư của chúng ta đối trước Đức Phật ấy phát tâm Bồ đề, nguyện sau được như Ngài. Do đó danh hiệu của Đức Bồn Sư chúng ta cũng gọi là Thích Ca Mâu Ni.

2. — NHÂN HẠNH CỦA ĐỨC PHẬT.

Đức Bồn Sư của chúng ta làm sao được thành Phật-đà? Hãy nghe chính Ngài tự thuật sau đây,

trong kinh ƯU BÀ TẮC GIỚI: « Xưa nơi Đức Phật Thích Ca tôi bắt đầu phát tâm Bồ đề, phát tâm ấy rồi phụng sự hằng sa Phật đà, gieo trồng vô số thiện căn, thực hành chánh pháp, nghiêm giữ tịnh giới, nhất tâm tinh tiến, học hỏi nghe nhiều... », và Ngài kể tiếp sự tu hành của Ngài sau đó: « Nơi Đức Phật Bảo Đảnh đầy đủ vô số kiếp thứ nhất, nơi Đức Phật Nhiên Đăng đầy đủ vô số kiếp thứ hai, nơi Đức Phật Ca Diếp đầy đủ vô số kiếp thứ ba ». Câu-xá-luận còn nói rõ sau khi gặp Đức Phật Thích Ca phát tâm Bồ đề rồi thì gặp và tu học theo bảy vạn năm ngàn Đức Phật nữa bên gặp Đức Phật Bảo Đảnh: sau khi gặp Đức Phật Bảo Đảnh đầy đủ vô số kiếp thứ nhất thì gặp và tu học theo bảy vạn sáu ngàn Đức Phật nữa bên gặp Đức Phật Nhiên Đăng; sau khi gặp Đức Phật Nhiên Đăng đầy đủ vô số kiếp thứ hai rồi thì gặp và tu học theo bảy vạn bảy ngàn Đức Phật nữa bên gặp Đức Phật Ca Diếp đầy đủ vô số kiếp thứ ba. Do trải qua ba vô số kiếp nên nhân hạnh viên mãn, chánh giác các pháp, thành tựu Phật-quả.

3. — ĐỨC PHẬT ỨNG SINH.

Bằng thân hình loài người, Đức Phật đem chánh-pháp truyền dạy cho chúng ta ở thế giới hệ Ta-bà này. Trong khi đem chánh-pháp truyền dạy chúng ta, Ngài ứng sinh vào nước Ca-tỳ-la-vệ, làm thái tử con hoàng đế Tịnh-phạn và hoàng hậu Magia, thuộc họ Thích-ca, chi nhánh của họ Kiều-tát-la, một đại quý tộc xứ Ấn-độ. Khi còn là thái tử thì tên Tất-đạt-da. Cho nên nếu gồm cả họ và tên mà gọi thì tên họ Đức Phật là Kiều-tát-la Thích-ca Tất-đạt-da. Ngài ứng sinh cách nay 2515 năm, nghĩa là trước dương lịch 563 năm; sinh ra ở hoa viên Lam-tỳ-ni lúc mặt trời mọc, ngày trăng tròn tháng hai của xứ Ấn-độ, tức là tháng tư xứ Trung-hoa, với một tuyên ngôn rõ ràng: « Trên trời dưới đất chỉ ta độc tôn ». Phong tục xứ ta và phần nhiều các nước Á-đông kỷ niệm ngày đản sinh ấy vào ngày mồng 8 tháng 4 âm lịch.

4. — ĐỨC PHẬT Ở ĐỜI.

Nếu nói rằng khi còn ở đời, Đức Phật cũng sống gương mẫu cho người thì khi còn làm thái tử, Ngài cũng quả là một gương tốt. Nói đến Đẹp thì có 32 tướng tốt; nói đến Hiếu thì niệm giải thoát cha mẹ luôn luôn canh cánh bên lòng; nói đến Lòng thì con nhận bị bắn rơi, con sâu bị sáo mổ, đã róc dấy lòng thương vô tận; nói đến Học thì văn và võ đều xuất chúng; nói đến Lễ thì đến nỗi thầy dạy phải lạy; nói đến Tài thì đã thắng tất cả anh tuấn đương thời trong những cuộc thi. Thái tử Tất-Đạt-Đa là một hoàng tử mà oai với danh vang dội song song với lòng nhân đức từ. Với gia đình, Ngài cũng rất xứng đáng: Ngài là người chồng, qui đời với vợ — công chúa Da-du, và là người cha hiền đời với con — thế tử La-hầu.

5. — ĐỨC PHẬT XUẤT GIA

Hơn ai cả, thái tử Tất-Đạt-Đa đại bất bình chế độ giai cấp của xã hội Ấn-độ, đại bất mãn lý thuyết thần tạo của tôn giáo Bà-la-môn, thông cảm thông thiết nỗi khổ công lệ của kiếp người, và hơn ai cả, thái tử Tất-Đạt-Đa quyết tìm phương pháp giải thoát những điều ấy. Đó là nguyện nhân làm cho thái tử Tất-Đạt-Đa từ bỏ cuộc đời hào hoa nhưng dọ lạc của kẻ vương giả bước qua cuộc đời gai góc nhưng huy hoàng của các Đức Phật, khi Ngài được 29 tuổi. Đẹp ngài vàng, gát tinh ái, thái tử Tất-Đạt-Đa bước mau và mạnh vào cuộc đời xuất gia với chí nguyện quyết tìm cho ra chánh-pháp giải thoát muôn loài. « Chính vì đêm tối ta mới đi tìm ánh sáng, » thái tử đã nói như thế trong đêm Ngài phi ngựa đi xuất gia, — cũng cái đêm trăng tròn tháng hai của xứ Ấn-độ ấy.

6. — ĐỨC PHẬT TU HỌC.

Phi ngựa đến sông A-nô-ma, thái tử Tất-Đạt-Đa dừng lại, bảo Xa-nặc, người hầu cận trung thành, đem ngựa Kiền-trắc về. Rồi bằng một dáng xuất gia từ ngoài đến trong, thái tử vào rừng tu học theo các đạo-sĩ. Khi đạt đến cảnh giới của họ, thấy chưa cứu cánh, thái tử lại đi lần đến nước Ma-kiệt-da, tu học với đạo sĩ A-la-lam, một người tu chứng cao nhất của ngoại đạo lúc bấy giờ: ông đã tới « phi tưởng phi phi tưởng » định. Sau vài tháng, thái tử liền đạt thấu định ấy, biết cũng chưa cứu cánh. Ngài hỏi A-la-lam: Phi tưởng phi phi tưởng hữu ngã hay vô ngã? Vô ngã thì không thể bảo là phi tưởng phi

phi tưởng. Còn hữu ngã thì ngã ấy có tri giác hay không tri giác? Không tri giác thì khác gì cây cỏ? Có tri giác thì làm sao hết phiền duyên, có phiền duyên thì làm sao hết nhiễm trước, mà có nhiễm trước thì làm sao gọi là giải thoát cứu cánh? Thế là cũng như các đạo sĩ trước, đạo sĩ A-la-lam bảo chỗ sở chứng của ông chỉ đến đây, mong thái tử bước cao thêm cho rốt ráo đề độ lại ông. Thái tử bèn từ giả A-la-lam, đi tìm các đạo sĩ danh tiếng khác nữa. Nhưng ở đâu Ngài cũng thấy sở chứng của họ còn trong phạm vi « hữu ngã ». Sau cùng Ngài xác nhận rằng « PHÁP chỉ tự ta tìm nơi ta » mà thôi. Ngài bèn vào rừng khổ-hạnh ở thôn Ưu-lâu-tần-loa, tây ngạn sông Ni-lien-thuyền, thuộc thành Già-da (cũng của nước Ma-kiệt - đà), tu tập khổ hạnh sáu năm,

7. — ĐỨC PHẬT GIÁC NGỘ.

Nhưng sáu năm khổ hạnh ấy không làm cho Ngài giác ngộ Sự-Thật. Sáu năm khổ hạnh chỉ kết quả được một điều: Làm cho ngài xác trung tâm rằng Sự-Thật phải đi đến bằng con đường « trung đạo » mà thôi. Bởi vậy, Ngài liền bỏ khổ hạnh vô nghĩa, dùng sữa của nàng Tu-xà-da, tắm nước sông Ni-lien-thuyền, rồi đi qua núi Tuỵng-đầu, phía bắc rừng khổ-hạnh, đến gốc cây Tất-bát-la, ngồi xuống kiên cố bất động như ngòi tòa kim-cang, thề rằng: « Không giác ngộ Sự-Thật, ta không dậy khỏi chỗ ngồi này ». Và liền tiếp 49 ngày, Ngài vẫn dùng tận cùng tất cả quán trí, quán chiếu mãnh liệt vào Sự-thật của vạn hữu, cho đến một hôm, khi nhìn vầng sao mai to sáng của đêm trăng tròn tháng hai xứ Ấn vừa bùng sáng, thì Ngài hoạt nhiên đại ngộ, thật chứng tất cả tánh tướng dụng của các pháp, được trí giác Vô-thượng-bồ-đề. Cây Tất-bát-la trở thành cây Bồ-đề (cây giác ngộ), chỗ ngồi dưới gốc cây ấy thành Bồ-đề-tòa (chỗ ngồi giác ngộ), và đất xung quanh cây Bồ-đề trở thành thánh-dịa, gọi là Bồ-đề-trường (trường giác ngộ), và có nhiên thái tử Tất-đạt-da đã thành Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đấng Đạo-Sư vô thượng của muôn loài. . . Bấy giờ Ngài đã 36 tuổi.

8. — ĐỨC PHẬT GIÁO HÓA.

Sau khi giác ngộ rồi, Đức Phật đem chỗ giác ngộ của mình giáo hóa chúng sinh. Phương pháp giáo hóa của Ngài có hai nguyên tắc: khế hợp với chân lý cứu cánh (hợp lý) và thật thi những phương pháp thích hợp (hợp cơ). Lời giáo hóa như thế

thật là khó khăn, vì trình độ của người đầu có ngang với chân lý, và đầu có ngang với nhau. Vậy mà Đức Phật đã giáo hóa chúng ta được đúng hai nguyên tắc ấy. Từ cuộc thuyết pháp đầu tiên ở vườn Lộc-uýn mà lịch sử gọi là chuyên-pháp luân cho tới cuộc thuyết pháp cuối cùng nói kinh Pháp-hoa kinh Niết-bản, đều hợp lý hợp cơ cả. Sự giáo hóa của Ngài thật là tận tụy và rộng rãi. Thuyết pháp trên ba trăm lần, đặt chân khắp hang cùng ngõ hẻm xứ Ấn-độ; xứ Tích-lan ngoài khơi bể, xứ Tây-tạng trên núi cao, không đâu không có dấu chân của đức Từ Phụ. Dân chúng không ai đứng được thấy thân thể sắc vàng, không ai không được nghe tiếng phạm-âm. Chính ngoại đạo đã nói thế này về Đức Phật: « Như cơn gió lúc thổi đốn tất cả thứ lá lại một chỗ, Đức Cồ Đàm giáo hóa tất cả; trí thức ngu si, vương giả bình cùng, nghèo hèn giàu sang, già cả niên thiếu, đàn bà đàn ông, kẻ ác người thiện, tất cả và hết thảy, đức Cồ-đam đều đem vào Chánh-pháp và xem như nhau. Đạo đức Cồ-đam là cái đạo-không-biệt. (Kinh Đại-Báo-Ân) ». Lời ấy là lời chê, mà chính khen cũng ở đây. Đức Phật không bỏ một việc giác ngộ nào dù nhỏ đến đâu. Chính Ngài đã xâu kim chỉ cho một bà lữ hành khát, cũng chính Ngài đi săn sóc và vén dọn đồ nhớp cho người bệnh. Đức từ bi bao la tất cả, trí giác ngộ sáng tỏa tận cùng. Đạo Hiếu của Ngài cũng viên mãn: độ thoát cho phụ hoàng được Thánh-quả, thuyết pháp cho mẫu hậu ở cung trời Đạo-lý, thân quyến tộc thuộc đều dự vào dòng pháp-tánh, Do sự giáo hóa của Ngài, học thuyết ngoại đạo bật tâm, các ngoại đạo đều qui phục chánh-pháp, dân gian thoát ly tất cả kèm hãm của thần quyền, của thiên nhiên, của chính mình. Ánh sáng của Chánh-pháp sừng sừng giữa nhân gian như ngọn núi Hy-mã-lạp-sơn trong các dãy núi. Chỉ một việc thuyết pháp mà Đức Phật đã tự thuật thế này: « Như cơn mưa lớn mưa xuống tất cả cỏ cây, tôi hằng bình đẳng thuyết pháp cho tất cả. Thuyết pháp cho một người cũng như thuyết pháp cho hết thảy. Tôi thường diễn thuyết Chánh-pháp chứ không tăng vì gì khác. Tôi thuyết-pháp cả những lúc đi lại đứng ngồi, không bao giờ chán mệt ». « Tôi thường nghĩ cả ngày lẫn đêm rằng phải làm sao cho chúng sinh được Trí-giác-vô-thượng, thành tựu Phật-thân ». « Tôi chỉ vì một nhân duyên này mà xuất thế: khai thị Trí-Giác-Phật-Đà cho chúng sanh ngộ nhập » (Kinh Pháp-Hoa). Đức Phật thật quả là một Đức Phật vậy,

9. — ĐỨC PHẬT NIẾT BÀN.

Sau 45 năm thuyết pháp, giáo hóa, năm 80 tuổi, cái thân mượn để thuyết pháp đời sanh đã già yếu, và cũng để những người giải đãi không ý thức vào mình, nên, cũng trong cái đêm trăng tròn tháng hai xứ Ấn-độ ấy, Đức Phật nhập diệt ở rừng Sa-la thuộc thành Câu-thì, sau khi để lại những lời di giáo tối hậu toát yếu những Chánh-pháp căn bản. Những lời di giáo ấy hệ trọng là điều này: « Tăng-già phải lấy tịnh-giới làm Thầy » Đức Phật đã tha thiết dạy như thế này trong kinh Di-Giáo: « Các thầy Tỷ-kheo! Các thầy phải tôn kính trân trọng Tịnh-giới. Tịnh giới là đức Thầy cao cả của các Thầy. Có Tịnh giới thì cũng như ta còn. Các thầy không được tham dự thế sự. Phải tự doan tâm, chánh-niệm, đưa mình đến Giải-thoát... Hãy dùng đức sáng trí-tuệ diệt trừ hắc ám vô minh. Chánh-pháp tự lợi lợi tha ta đã dạy một cách cứu cánh; các Thầy siêng năng thật hành thì thế là là pháp-thân của ta vĩnh viễn tồn tại trên cuộc đời đời này. Các thầy Tỷ-kheo! Tất cả các pháp trong vũ trụ đều là tướng hư rã, các Thầy phải sớm tự giải thoát, đừng có phóng dật... Đó là lời giáo huấn tối hậu của ta ». Đức Phật lại còn dạy như sau đây, trong kinh Đại-Niết-Bản: « Ta dùng mắt trí giác của Phật-Đà xem thấy tất cả chúng sinh trong sáu đường ba cõi đều có giác-tánh; tất cả đều là cha mẹ của nhau. Vậy từ giờ phút cuối cùng này của ta sắp đi, các con không được ăn tất cả các thứ thịt. »

10. — TỔNG KẾT ĐỜI ĐỨC PHẬT.

Trên hội Pháp-Hoa, khi đem lý thật - tương dạy cho người, Đức Phật có nói: « Hết thảy việc làm của đời tôi chỉ vì một việc, là đem Trí-Giác-Phật-Đà khai thị cho người ngộ nhập ». Nên sanh ra giữa vườn hoa, tu tập trong rừng rậm, giáo hóa khắp đây đó, và cuối cùng nhập diệt nơi rừng cây trên đường đi hóa độ, đời Đức Phật thật quả là một Đấng Đức Tôn của tất cả và hết thảy. Đạo Ngài ở giữa bình địa, ở nơi nhân quần, không ở trong danh lợi như mộng huyễn bào ảnh. Nên, « Trên trời dưới đất, chỉ ta đức tôn », « Tăng-già phải lấy Tịnh-giới làm thầy », hai câu ấy, một câu đầu tiên một câu cuối cùng của đời Đức Phật, Tăng-già phải nhớ kỹ, phải đọc luôn, để tự trọng mà tu hành, vì có lấy Tịnh-giới làm thầy mà tu hành mới thành một thành đạo Đức - tôn đối với cả trên trời lẫn dưới đất.

Trích cuốn TĂNG-BẢO

Hiện nay, trong khi thế giới đen tối vì sợ hãi, trong khi những lực lượng độc ác đang tàn phá các nước còn chiến tranh, trong khi những quyền lợi do của con người bị những nhà độc tài vô nhân đạo dõng xéo dẫm chân họ, tôi nghĩ đến con Người Cao-Cả đã đem lại hòa bình và thiện chí cho nhân loại đau khổ.

Xưa kia cũng như ngày nay, khi thế giới đang quờ quạng trong bóng tối của vô minh, theo đà lan dần xuống vực thẳm, khi triệu sông văn minh của nhân loại gần lặn, thời một vị cứu-nhân đã ra đời trong một ngày tốt đẹp để chỉ dẫn một đường sống, để mang lại một nguồn hy vọng cho nhân loại.

Hôm nay, cũng trong ngày ấy, ngày trăng tròn, ngày lễ VAISAKHA, lịch sử nhân loại đã ghi một thắng trận lớn lao nhất đã chiến thắng tất cả những cái gì là xấu xa.

Trong những ngày hắc ám này, lúc mọi sự đều vô thường, lúc số mệnh của thế giới lung lay trên một sợi chỉ, lúc vận mạng của giống người đang mờ mịt, chúng ta cảm thấy, hơn bao giờ hết, cần có một người như Đức Phật để chỉ đường cho chúng ta ra khỏi đường mê.

Không nên chán nản! Cũng ngày này, năm dưới hai nhánh cây Sa-la ở rừng Càn-thì (Kusinara), Đức Thế-Tôn với tinh thương nhân loại tràn ngập trong lòng, đã nói với tôn giả A-Nan.

— Đừng khóc, A-Nan! Mọi vật hữu sinh hữu diệt đều phải tan rã. Thế-Tôn cũng vậy. Nhưng chớ nghĩ rằng Thầy đã lìa các con. Đường con CHÁNH-PHÁP của Thế-Tôn để đi dạt các con, Phải xem CHÁNH-PHÁP ấy như ngọn đèn soi đường cho các con.

Phải! Chúng ta có một di-sản vô tận, là những lời vàng ngọc của Đức Thế-Tôn — Chánh Pháp Vô Thượng— để chỉ dẫn chúng ta, an ủi chúng ta, khuyến khích chúng ta. Đó là lòng TỬ BI đã chinh phục thế giới, đã chinh phục mọi kẻ hieu chiến. Chúng ta phải theo những lời dạy ấy rồi chiến tranh tàn khốc sẽ chấm dứt.

Hỡi các Phật-Tử! Đừng ngại! Những biến cố hiện nay đều là tạm bợ. Trên những đám mây mù hãi hùng kia, một bầu trời quang đãng rực rỡ đang chờ chúng ta. Qua khỏi cơn dông tố rừng rợn, chúng ta sẽ được yên tĩnh và sáng suốt.

Dịch lời ngài Tỳ-Kheo JINARATANA.
(tập chí Đại Bồ Đề số 51 bộ 3, năm 1963)
NGUYỄN-KHOA-VIỆT

Ý NGHĨA NGÀY LỄ VAISAKHA

Tiền hai ngàn năm trăm năm, trong khi xã hội giai cấp Ấn-độ đang chịu Bà-la-môn giáo thống trị, trong khi mọi sự bất khả xâm phạm đều được lớn sùng, trong khi những lễ lễ thần thường diễn ra trong sự thờ cúng hàng ngày, trong khi đó thì một ngày trăng tròn kia, ở đại qui tộc Thích-Ca đã sinh ra một người con sân sảng từ bỏ tất cả sự giàu sang vua chúa, vào rừng có quanh để tìm nguyên nhân sự Khổ, phương pháp diệt Khổ, và đã đem lại cho thế giới một chân lý không những chỉ có ảnh hưởng cho tư tưởng Á-đông mà thôi, lại chỉ phối tất cả tư tưởng Âu-tây, có thể nói là một chân lý, sau hơn 25 thế kỷ, vẫn còn sức mạnh còn tinh túy để đi dạt nhân loại trên đường chánh-kiên và chánh-nghiệp.

Vị Thành-nhân ấy, sau 6 năm hoạt động để chứng tỏ Phật-chi-giác, đã cho tất cả chúng sinh một « thông điệp » bất diệt về hy vọng, hy sinh và tình thương rất cần thiết cho loài cai ủy cũng như đời bực giờ, trong khi nước này vụ hớp nước khác, cùng nhau chạy theo vật dục một cách quoy cuồng. Sau 45 năm đi truyền bá chân lý mà chính Ngài đã thực hành, Ngài cũng đã lịch vào ngày trăng tròn.

Bánh xe luân chuyển của thời gian đem lại cho Phật-tử ngày Lễ Vaisakha, NGÀY TRĂNG TRÒN của tháng tư âm lịch đúng vào ngày mùng 9 tháng 5 năm 1952 này, một lễ gồm có bốn lần long trọng là ngày sinh nhật, ngày xuất gia, ngày thành đạo, và ngày nhập diệt của Đức Thầy Chí-Giác.

Trong cơn hãi hùng tạm bợ của một thế giới đầy gầy gở, đau khổ, và nguy biến, cái ngày ấy đèn lam sao chúng ta phải chú trọng thêm lần nữa đến quan niệm của đời sống và mục đích của cuộc đời.

Hàng triệu người trên thế giới sẽ làm lễ kỷ niệm ngày 4 ý nghĩa đó không phải chỉ vui mừng ngày giáng sinh, cảm kích ngày xuất gia, hoan lạc ngày thành đạo, mà còn bị cảm tượng niệm đến ngày niết bàn của Đức Thầy Chí-Đạo.

Đề Kỷ niệm những ngày ấy của Đức Phật ắt tất cả nỗi vui mừng, hoan lạc, hòa giải với cảm kích và đau đớn, chúng ta, Phật tử khắp thế giới, hãy thể nhập từ-bi-quán, giữ giới « không sát sinh ».

Dịch bài của cư sĩ PADMAPERMA
trong tập chí Đại-Bồ-Đề, đặc san
kỷ niệm Lễ Vaisakha, số 31, bộ 6.
NGUYỄN-KHOA-VIỆT

ÁNH SÁNG

Của **TRANG NGHIỆM**

Trước Bàn Sinh 2 ngày, nhà tôi rộn rịp như một đám kỵ, chạy ngược chạy xuôi, người làm bánh, kẻ treo màn, người giã đèn, kẻ mua giấy. Họ nghe oang oang như một ống lệnh:

- Khuấy hồ mau lên!
- Cát giấy đi!
- Vót tre đi, làm đèn mau lên!
- Ai đi chợ mua cho tôi thuốc vải vàng!
- Chưng bán thờ chỗ đó?
- Ngoài kia kia, treo màn lên đi!
- Khoan, để quét cho sạch bụi đi!
- Làm đèn chi đây?

Câu nói sau cùng dành mạnh vào óc mọi người. Ai cũng ghê, nhưng không ai chịu phớt bậy gì kiên cố, vì ai cũng muốn hình do tay mình làm để cúng dường Đức Bồ Sư.

Tre đã vót cả đống. Chúng lấy ra từng bó rồi chạy đi mời ở một góc. Rồi tranh nhau la o như một đám giặc. Cho đến ai càu bẻ, cò bẻ xi xủ, tưởng đầu đây là Tết Trưng-Tru, cũng ăn vang nhà « Đền con mò? Đền con mò? ».

Đèn đầu bây giờ để đưa cho chúng? Các anh các chị lên ai hâm hế: « Minh làm một cây đèn cho đẹp, đẹp hơn tất cả nó được! ».

Nghe chúng thét vang, mẹ chúng đang làm bánh dưới bếp rồi chạy lên: « Đền con đây! Đền con đây! » và dúi vào trong tay mỗi cô mỗi cậu vài ba cái bánh rẻo. Thử bánh rẻo này không phải là bánh rẻo đất liền như bánh trung-thu đâu; đó là những đầu bánh cắt còn thừa, mẹ chúng chấp lại một cục và dùng cắt ra từng miếng cho chúng.

Bây giờ chúng không đòi đèn nữa, nhưng cứ nhất định loanh quanh theo mấy miếng giấy xanh, đỏ. Con tôi, tôi loay loay hi hoay họa một bức tượng Đức Bồ Sư thật to. Tôi tự cho là đẹp lắm. Kia, xem không biết bao nhiêu là màu sắc sớ. Cho đến mãi bây giờ tôi mới biết là ... rất xấu, vì tóc quán mà đầu đầu giờ lên cao quá như một cục u. Mặt thì vui nhưng dài như một Fernandel và tay thì to như Hộ-Pháp. Quấn rương khế phủ một sợi giấy lung lục và choàng một áo tương vì. No hết sức lố, không có một vẻ gì là Phật hết. Thế mà cả nhà trầm trồ khen ngợi: Đẹp! Đẹp! Và cả các bác hàng xóm cũng chụp miệng khen: Khéo quá! Khéo quá! Thì ra họ còn quý hơn tôi lúc ấy nữa. Nay tôi mới biết rằng Đức Phật có những 32 tướng tốt và 80 tướng phụ mà tôi vừa vẽ được trong kính Kim Cang xong. Nhưng mà không hề gì. Lúc ấy bức tượng của tôi to và để vào một khung vải lớn tương, được chưng lên giữa nhà. Thế cũng đã là hãnh diện lắm rồi. Sau ngón đèn màu hồng và lại được phủ một lớp giấy trong, xem cũng đủ trang nghiêm lắm.

Và bây giờ tôi mới hiểu họ khen đẹp chỉ vì họ đã không biết Đức Phật là như thế nào mà lại còn một nửa là họ

có cảm nhìn tận mắt đâu. Họ vừa thấy là đã kinh thành nhảm mắt, cùn đầu xuống, chấp tay và thỉnh lễ. Buồn cười nhất là tượng Đức Bồ Sư mà họ cư niệm « Nam Mô A Di Đà Phật! ».

Tôi cũng chưa hiểu gì. Tôi lấy làm sung sướng hết sức. Tôi dang-bằng khomng với long sung sướng thì chúng hai dang sau lưng: A, đèn năm cánh, đèn năm cánh! Đẹp ghê hế!

Chúng đã làm rồi một chiếc đèn. Chúng chưa.

Rồi một chiếc nữa và chiếc nữa. Đến nỗi tôi ngắm chúng mà sung sướng lây. Chúng là như những kẻ điên: « Treo mô hế? Treo mô hế? »

Tôi nói « Đưa đây! » và khi nhìn đèn tôi lại bảo: « Con thiếu! Các cánh mà không có tua xem xấu lắm. Mau, đi làm cả 15 cái tua đi! ».

Chúng lại hề nhau đi làm.

Và chúng làm tuyệt quá. Trên 15 cái tua có cả những đồng bạc, bằng kim nhũ óng ánh dưới bóng đèn mới xinh lắm sao.

Tôi tuyên bố ai làm đẹp hơn hết được thưởng.

Thằng nhỏ tôi nghe có thưởng, xách cây đèn lồng u nhỏ bằng nắm tay chạy ra: « Đền con đẹp! Đền con đẹp! Con được thưởng phải không ba? » Tôi nhìn nó sung sướng cười: « Ủ con được thưởng. Tôi nay thưởng cho con lên tụng kinh! ».

Các bạn có biết nó sao không? Nó nhảy cá lừng: « Sướng, sướng, được thưởng lên tụng kinh! »

Cả nhà cười gần một long bong.

Và hôm ấy, nhà tôi thật là một nhà ánh sáng.

Trên Bàn Phật, ngoài hai cây đèn sập to như hai cái cột đình chay-sông, còn một cây đèn đầu để thấp hương, gồm với 18 ngọn đèn hoa sen giăng dài trên bàn, lại thêm một dãy đèn Dược-Sư óng ánh; tất cả đều phun ánh sáng lên trần nhà để đỡ lấy những ánh sáng màn của bốn chiếc đèn điện rặng rờ trong bốn cây đèn ngói-sao và ngoài kia lại thêm có một giấy đèn hoa sen nhỏ láng điện nổi từ cái đèn lồng lớn qua hai cây đèn ngói sao to bóng một cái trệt bánh bèo.

Khí trầm lên, chúng tôi sập hàng danh lễ Đức Bồ Sư. Tiếng kinh trầm trầm lau rộng và luồn trong ánh sáng bay vòng đến Mười Phương Chư Phật.

Long chúng tôi mừng mừng cầu nguyện và như đã có một cái gì đến đây trong long chúng tôi mãi đến ngày nay.

A, tôi nhớ ra rồi; Hình ảnh của Đức Bồ Sư!

Và chúng tôi, nay tiền được trên đường Đạo tưởng rằng:

« Ánh sáng Ngày Bàn Sinh kia mãi mãi soi đường cho chúng tôi không bao giờ hết.

« Ánh sáng ngàn năm của thế hệ:

« ANH SÁNG CỦA SỰ THẬT ».

ĐẠO PHẬT

LỜI NÓI ĐẦU. —

Đời sống của con người cần nhiều phương diện. Một trong những phương diện ấy là tin ngưỡng. Tin ngưỡng là điều kiện cần thiết vô cùng cho đời sống của con người. Chính tin ngưỡng gò cương lại những dục vọng bị dìm, những mãnh động tai hại, những tư tưởng mê mờ, những hành vi tội ác. Tin ngưỡng, và chỉ có tin ngưỡng thôi, mới làm cho con người biết dè chừng khỏi một mình trong bóng tối. Tin ngưỡng làm cho kẻ tiêu nhân cũng phải thận kỹ đức. Lại cũng chính tin ngưỡng xây dựng và hướng dẫn cho lý tưởng vĩ đại.

Tin ngưỡng cần thiết cho đời sống con người là thế đó. Con người nếu muốn xứng đáng danh nghĩa con người, tất nhiên không thể không có lý tưởng, không thể vùi mình trong tội ác, mê mờ, không thể sống một cách vô ý thức đời ăn khất uống, vui thì mừng, buồn thì giận. Con người không thể sống mà không biết sống để làm gì. Con người phải biết đến giá trị sự sống của mình và sống đúng với giá trị ấy. Mà nói đến giá trị sự sống và sống đúng giá trị sự sống ấy, tức là nói đến tin ngưỡng vậy.

Nhưng, cái tin ngưỡng cần thiết như vậy, tất nhiên không thể không dè dặt, cần thận, trong khi lựa chọn đối tượng của nó. Tin ngưỡng cần, nhưng còn dè; nên tin ngưỡng đạo nào, đồ mới là điều rất khó. Mà tin ngưỡng có giá trị hay không, nghĩa là có hữu ích cho đời sống hay không, là do cái đạo của tin ngưỡng ấy tin tưởng nó như thế nào.

Ngày nay, người ta không thể thờ cái đạo lười nhác (vô vi) của Lão-giáo, người ta không theo cái đạo lưng chừng (trung dung) của Khổng-tử, người ta lại càng không thể triệt hạ hết tất cả ý chí, khả năng, cũng đoàn của con người trước một ông trời của nền quân chủ cả vũ trụ của các đạo Nhất-thần. Con người ngày nay đã tự biết con người là căn bản của xã hội loài người. Con người như thế chỉ có thể tin ngưỡng cái đạo chủ trọng con người. Cái đạo nào vạch cho con người thấy mình tự chịu

lấy trách nhiệm đối với đời mình, xã hội của mình là do bàn tay của chính mình, cái đạo nào vạch ra cho con người hiểu như thế, cái đạo ấy là đạo của con người hiện tại; con người hiện tại phải tin ngưỡng đạo ấy vì chỉ có cách tin ngưỡng đạo ấy mới thấy giá trị của mình, mới thấy địa vị, trách nhiệm, và nhiệm vụ của mình đối với xã hội của mình, luôn theo đó, chỉ tin ngưỡng đạo ấy con người mới thấy bằng cách nào mình xây dựng được hạnh - phúc chân-thật vĩnh-viễn. Mà cái đạo ấy là gì, nếu không phải Đạo Phật?

Tinh thần căn bản của Đạo Phật. —

Trước hết, tinh thần của Đạo Phật là rộng lớn không phân biệt.

Đạo Phật bao cái gì cũng là thế tử hợp. Không một sự vật gì có tinh cách đản độc trong sự phát sinh, sự tồn tại, và ngay cả sự tiêu diệt cũng vậy. Sự vật tương quan với nhau. Tất cả là một, một là tất cả. Con người cũng vậy. Con người không phải tất cả những gì của mình là chỉ có một cái thân. Sự sống của con người cũng không phải vẫn vẹn trong một kiếp phù sinh ngắn ngủi. Thân mình không phải chỉ do mình cấu tạo, đời mình không phải sống được do sự không cần gì ai. Cả vũ trụ, trong đó đời sống con người là một thế tử hợp tinh vi nhất, đều dính liu với nhau, tác động lẫn nhau. Bởi lẽ đó, đạo Phật dạy rằng con người đừng biệt lập nhưng phải tự lập. Không tách rời mình ra ngoài sự tương quan của muôn ngàn cuộc sống khác, nhưng không phải ăn mà không làm, không phải sống lợi dụng mà không đem đời sống của mình góp sức chung vào cuộc sống tương quan. Cho nên vô ngã là cần thiết cho con người, nhất là con người muốn sống còn. Mà vô ngã thì tất nhiên phải bình đẳng. Nhưng bình đẳng không có nghĩa là mình ngang với sự thấp hèn mà là đưa mình ngang với sự cao cả, bình đẳng không có nghĩa tự xem mình bằng người mà làm sao chủ

minh được bằng người, ở cái mức hiền lương sáng suốt, dù tốt dù dục. Bình đẳng như thế thì vô ngã cũng vậy. Vô ngã không có cái nghĩ là tự hạ mình xuống, tự bỏ rơi mình đi, không tự gánh lấy nhiệm vụ nhất là nhiệm vụ chung. Vô ngã là không đối lập với ai mà tự đặt trên vai cái nhiệm vụ tự phát triển tài đức của mình và phát triển tài đức cho người. Vô ngã là tinh thần tự chịu lấy trách nhiệm vậy. Cho nên tinh thần thứ hai của đạo Phật là tự chịu lấy trách nhiệm.

Tự chịu lấy trách nhiệm là thế nào?

Đạo Phật dạy ta đừng chỉ vào người này báo người này có lỗi, đừng chỉ vào người kia báo người kia có lỗi, mà hãy tự nghĩ vào mình. Đừng ngược lên trời tin tưởng vào thần minh, đừng cúi xuống dưới đất mê hoặc theo duy vật, mà hãy tự nghĩ vào con người, chỉ tự tin vào con người. Khổ, đừng báo vì chế độ xã hội bất lương, đừng báo vì kinh tế bị lũng đoạn, mà hãy nghĩ vào nguyên nhân chính của nó: chính do ý nghĩ ác và hạnh vi ác, ý nghĩ vu hành vi muốn và cố tình gây khổ cho nhau, ý nghĩ muốn lũng đoạn kinh tế của nhau, duy trì chế độ xã hội bất lương, chính do những ý nghĩ và hành vi ấy của con người, con người tự chịu lấy trách nhiệm. Ma có thấy khổ sở của mình do trách nhiệm của mình gây ra, con người mới trừ diệt được khổ não ấy, tự gây dựng hạnh phúc cho mình. Cho nên hạnh phúc của con người cũng phải do con người tự tay mình xây dựng cho mình. Hạnh phúc không thể cầu xin và ý thị vào ai. Ai cầu xin hạnh phúc ở kẻ khác mà không tự tay sang tay lay ta kẻ không bỏ von ma đòi lấy lời, một việc không thể có. Cho nên Đạo Phật dạy rằng con người phải tự chịu lấy trách nhiệm với đời đầu khổ của mình, cũng như đối với hạnh phúc con người phải tự chịu lấy trách nhiệm kiến tạo. Con người phải tự tay cao tay cũng do hành động của mình mà ra, do bản tay của mình mà có. Hạnh động mà mở ra tội ác thì phải khổ sở, mà đời đi, hành động sang xuôi và lớn trọng hạnh phúc chung thì hạnh phúc đã nằm chắc trong lòng bàn tay.

Nói tóm, và liên lạc tinh thần của Đạo Phật lại mà nói, thì tinh thần Đạo Phật là tinh thần dạy cho người biết tự chịu lấy trách nhiệm đối với sự đau khổ của mình, và tự gánh lấy trách nhiệm vụ trong việc xây dựng hạnh phúc chung,

Phải có tinh thần như thế là vi, như Đạo Phật đã dạy, con người không phân biệt, không cách biệt nhau, mà nhận thấy mình và mọi người tương quan sinh tồn, và hạnh phúc là hạnh phúc chung mà mình phải tự gánh lấy nhiệm vụ kiến thiết.

Kết luận. —

Tinh thần Đạo Phật là như vậy, chúng ta phải bắt một tư đầu mà thật hành? Nghĩa là muốn phá hoại xã hội đau khổ, kiến thiết tương lai tốt đẹp, con người phải làm gì? và bắt mỗi vào việc làm gì trước hết? Trả lời chỗ đó, Đạo Phật dạy rằng: con người phải tự cải tạo lấy con người trước hết. Đó là điều chúng ta cần phải nhớ và sẽ thấy những bài giảng khác trình bày quan điểm đó. Đức Phật dạy rằng ngôi nhà lâu không thể kiến thiết trên không trung hay trên đám đất cát dưng, hạnh phúc của con người cũng vậy; không thể xây dựng ngoài con người tốt hay xây dựng trên những con người xấu xa. Hạnh phúc của con người chỉ do con người mới mới xây dựng được và xây dựng được vĩnh viễn.

Và nói vấn đề, chúng ta đến với Đạo Phật là đến với ý thức tự cải tạo lấy mình, mà cái giá trị vô thượng của Đạo Phật cũng ở chỗ ấy. Hôm nay chúng ta kỷ niệm Đức Phật tức là kỷ niệm người đã dựng lên Đạo Phật ấy cho chúng ta tin tưởng và thật hành vậy.



TIN TỨC HỘI PHẬT HỌC NAM VIỆT

Vì có lời yêu cầu của đại phát thanh Quoc-gia và thầy cô Lợi cho sự tu học, Ban Quản-trị và Ban Hoàng-Pháp hội Phật-học Nam-Việt đã nhận lời tổ-chức mỗi tháng hai lần nửa giờ phát thanh về Phật-giáo, vào tối 14 và 30 Âm-lịch từ 21 giờ 30 đến 22 giờ.

Buổi phát-thanh đầu tiên định vào tối 14 tháng 3 Nhâm-thìn, nhằm ngày thứ ba, mùng 8 tháng 4 dương-lịch.

Ban Quản Trị Hội Phật-Học Nam Việt

ĐẠO PHẬT

CHƯƠNG V

CON ĐƯỜNG CHÍNH TÁM NỀN

(BÁT CHÁNH ĐẠO)

Điều kiện phát sinh đau khổ đã được thuyết minh trong mười hai nguyên nhân tương-tùy « Pờ-ra-ti-da-xa-muýt-pa-da », đối tượng của sự thật thứ hai và thứ ba trong bốn sự thật căn-bản của yếu-lý nhà Phật. Sự thật thứ tư nhằm mục đích mô-tả « con đường » đưa đến giải thoát. Nói một cách khác, sự thật thứ tư chỉ về những phương-pháp cản trở và hủy diệt các sự tạo-tác của mười hai nguyên nhân tương-tùy.

Danh-từ chuyên môn của nhà Phật để chỉ con Đường-Giải-Thoát là : « con đường Chánh tám » hay « con đường Chánh tám nền ». Tám nền ấy liệt kê trong tám điều-khoản khúc chiết và phân ra ba loại : Huệ (tri-huệ sáng suốt), Giới (giới luật nghiêm chính) và Định (định tĩnh tâm trí).

Tám nền kê theo thứ tự sau :

Huệ	{	Tri-kiến chân chánh (chánh kiến).
		Tư duy chân chánh (chánh tư duy)
Giới	{	Lời nói chân chánh (chánh ngữ)
		Việc làm chân chánh (chánh mạng)
		Sinh-kế chân chánh (chánh nghiệp)
Định	{	Siêng năng chân chánh (chánh tinh tấn)
		Ghi nhớ chân chánh (chánh niệm)
		Định tám chân chánh (chánh định)

Chánh tinh tấn là một ý chí dũng mãnh, một siêng năng chân chánh hoàn toàn mà xúc tiến toàn thể.

Trong kinh - điển tiếng Ba-ly, tiếng Phạn hay tiếng Tây-Tạng, người ta chỉ dùng một hình-dung từ chung để định-phẩm cho cả tám danh-từ trong bảng kê. Văn Ba-ly dùng chữ « xa-ma », Văn Phạn dùng

chữ « xam-dắt », và văn Tây-Tạng dùng chữ « dâng-dắt-pa », cả ba chữ đều diễn đạt ý niệm hoàn toàn chân chánh, nên văn Trung-hoa dùng chữ « chánh », « trực », « thánh » v. v.

Con đường Chánh tám nền là một chương-trình hành-dộng mà Đạo Phật đề nghị với tín-dồ noi theo để chống trả đau khổ và diệt trừ nó. Như chương trên chúng ta đã thấy rằng đau khổ là công trình tạo tác của mười hai nguyên nhân, vì vậy thuyết « con đường Chánh tám nền » và thuyết « pờ-ra-ti-da-xa-muýt-pa-da » có thể được xem như hai dịch thù của nhau.

Vô-minh mở đầu cho vòng chuyển đau khổ, con Đường-Chánh sẽ dùng ánh sáng của chánh-kiến để đả-phá nó.

Chánh-kiến đứng đầu số tám nền đường và giữ địa-vị quan trọng nhất. Hơn nữa, người ta có thể nói rằng bảy điều khoản kia chỉ đóng một vai trò phụ-thuộc, cộng-tác và giúp rập cho nền móng của chánh-kiến bền vững mà thôi.

Bước đầu trong cơ-cấu tu-tâm luyện-tánh tùy thuộc ở một sự nhận định đúng đắn. Chánh-tri-kiến sơ-khởi ấy tức là ý nghĩ của con người trên bước đường luân-hồi biết dừng chân tự hỏi : Ta có nên nhắm mắt xuôi giòng cùng kêu be-he với đàn cừu xung quanh ta, và không hiểu vì sao phải làm như thế không? Thái-độ ấy có hợp lý và lành mạnh chăng?

— Ta có khảo-sát kỹ càng những học-thuyết mà ta nói ra, những ý-kiến mà ta phát biểu ra không ?

— Ta có tin chắc rằng việc làm của ta là đúng đắn, hợp-lý và hữu ích không ? — Ta phải khảo-sát lại tín-ngưỡng, hạnh-kiểm của ta để xem chúng có cần

cứ vững chắc không và quả thật chúng có giúp ta đạt đến hạnh-phước không, hay sẽ đưa ta đến đường đau khổ? Tự hỏi như thế rồi, lại còn phải khảo-sát thêm nhiều học thuyết khác, nhiều xu - hướng khác, một cách vô tư, để suy cứu chân giá trị của các học thuyết xu hướng sai khác ấy để chiêm - nghiệm.

Lẽ dĩ nhiên, tin đồ Phật-Giáo chỉ công nhận là chánh kiến, những gì hợp với giáo lý của mình và hành trì đúng theo các phương pháp đã được giảng dạy trong kinh sách.

Trong bảng kê không kê thêm chánh-kiến như một điều-khoản thứ 9, thế là ta phải hiểu rằng nó vừa là chủ nào dẫn đầu mà cũng vừa là mục đích của con Đường Chánh tâm nẻo. Quả vậy, mục-dịch của con đường là đưa đến sự giác-ngộ hoàn toàn và đứng đắn mà nhờ đó, mỗi chúng sanh giải thoát được khỏi vòng luân-hồi phiền não và đã tạm dặng qua " bờ bên kia ", một thế giới khác với những cảnh-vật khác, hoạt hiện một cảnh giới mà ở đó mọi lý-thuyết đều tự tan rã, vì đã hết đối-tượng.

Luận về " con Đường Chánh tâm nẻo " này, cũng như luận về mười hai nguyên-nhân tương-tùy các tín-đồ Phật-giáo có những điểm dị-đồng sai khác, nhưng tất cả đều đồng ý ở những điểm chính. Phải Tiêu-thừa quan niệm con đường tâm nẻo như một quy-tắc đạo-đức, một kỹ-cương giới luật. Ngài Ni-a-na-ti-lo-ka, đại-diện cho xu-hướng chung của các bậc tăng-sĩ Tích-lan đã viết :

" Mọi hành động, vị-tha cao quý đều phải căn cứ trên một trình độ hiểu biết đúng đắn (chánh-kiến), bất kỳ hành động ấy là của một tín đồ Phật-giáo, một tín đồ Ấn-độ-giáo, một tín đồ Gia-tô-giáo, một tín đồ Hồi-hồi-giáo hay là ngay đến cả một người duy-vật. Vì lẽ ấy cho nên sự hiểu biết đúng đắn (chánh-kiến) đứng đầu trong con đường tâm nẻo. Song, thứ tự trong đó nẻo cũng được trở nên hoàn toàn là thứ tự như sau :

Giới (đức hạnh), Định (lắng-lòng), Huệ (sáng suốt).

Rồi Ngài Ni-a-na-ti-lo-ka kết thúc như vậy : " vì thế, chánh-kiến là chữ đầu và cũng vừa là chữ cuối trong cuốn sách văn A B C của giáo lý nhà Phật ".

Ý kiến phát biểu trong câu kết đều được hoàn toàn in hợp với toàn thể giáo lý Phật-giáo, nhưng về thứ tự trên con đường tu-luyện, có chỗ lại thấy sắp theo cách khác.

Thứ-tự sau đây là thứ-tự sắp theo các Ngài Lạt-ma thông thái trong phái Đại-thừa :

1. Định { Chánh tư duy
Chánh niệm
Chánh định

Nguồn gốc chung của ba điều-khoản ấy trong chương-trình tu-luyện gọi là " con đường " là một chánh-kiến đầu tiên giúp ta hiểu sự ích lợi của công cuộc tìm chân lý.

2. Huệ (Chánh kiến)

Nhờ hành-tri bốn pháp trên, người tu-hành đạt đến những chánh-kiến khác thuộc một tầng cao hơn đưa đến sự sáng suốt của trí-huệ.

Khi chánh-kiến tiến dần đến chỗ hoàn toàn, đức hạnh cũng tăng trưởng dần đến toàn thiện :

3. Giới { Chánh ngữ
Chánh ngữ
Chánh mạng

Ba điều này Đại Thừa cho rằng nhờ 4 khoản đầu đã được xúc tiến bởi điều khoản chánh-tỉnh-tân thì toàn thân của người tu tập sẽ trở thành những điều dụng : nói đúng, làm đúng, sống đúng, lợi mình lợi người, nghĩa là chánh-kiến được hoàn toàn hiển lộ. Tuy vậy, chánh-kiến vẫn là trí tuệ dẫn đầu, và là trí-tuệ kết quả.

(Sẽ tiếp)

TRÍCH BÁO TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

NGÀY TRĂNG TRÒN (16 THÁNG 4 ÂM LỊCH)

Ngày Trăng Tròn của tháng tư mà toàn thế giới xem là ngày Phật - Đản năm nay trùng vào ngày 16 âm-lịch. Phật-tử mọi nơi đều được yêu cầu cử hành lễ Phật - Đản cho trọng thể. Những nước Phật-tử đông hơn hết, nhất là ở Tích-Lan, Diên-Điện, Xiêm, Cao-Mên, Lào. Ngày Trăng-Tròn là một ngày lễ đặc biệt đã từ bao nhiêu thế kỷ nay. Dân chúng các nước ấy đều tin rằng vào ngày ấy Phật đã giáng sinh, thành đạo và nhập diệt.

Các nước khác dùng những ngày khác về các lễ ấy theo tục lệ của họ. Nhưng tại Hội-nghị Phật-Giáo Thế - Giới, để cố động sự thống nhất trong hàng Phật-Tử, tất cả đều đồng thanh chấp thuận Ngày Phật - Đản phải xem Ngày Trăng Tròn của tháng 4 âm-lịch là ngày đặc biệt.

Sở dĩ ngày ấy đã được chọn bởi vì ở Ấn-Độ mọi người đều tin ngày ấy Phật đã giáng sinh và ngày ấy được xem là Ngày Phật - Đản. Vì thế Phật - Tử mọi nơi xin đồng ý mà tổ chức ngày 16 âm-lịch năm nay như một ngày đặc biệt để hoài niệm đến Đức Thầy của họ. Điều ấy không có nghĩa rằng tại những nước mà ngày sinh-nhật của Phật cử hành vào ngày khác phải thay đổi lại. Tại những nước ấy, ngày 16 tháng 4 (mồng 9 tháng 5 dương-lịch) sẽ cứ hành như một lễ đồng tâm với tất cả Phật-Tử thế giới.

Lễ ấy gồm có sự treo cờ Phật - Giáo 6 màu, dâng hoa hương tại chùa, và tham thiền.

Năm vừa qua theo những tờ trình nhận được, lễ Phật-Đản đã được cử hành trong 54 nước khác nhau. Năm nay hy vọng rằng bất cứ ở đâu có Phật-Tử dù nhiều dù ít, dù có chỉ một Phật-Tử cũng vậy, lễ Phật-Đản sẽ được tổ chức với tất cả sự trọng thể mong muốn.

Năm vừa qua lễ Phật-Đản được tổ chức lần đầu tiên trên thế giới, lễ đã cử hành với sự tham thiền của tất cả Phật - Tử định vào lúc 12 giờ G.M.T.. Nhưng điều ấy bất tiện cho tất cả mọi nơi trên thế giới. Vì dụ vào giờ ấy ở Sydney (Úc-Đại-Lợi) lại là 12 giờ đêm, cho nên năm nay, trái với lễ chức mọi nơi theo một giờ nhất định, yêu cầu

mỗi nước Phật-Tử sẽ tham thiền trong hai phút, vào lúc 12 giờ trưa của nước họ. Họ sẽ gói những tư tưởng từ bi, nhân ái cho tất cả những người và sinh vật trên thế giới và thành thật cầu mong mọi nơi đều được hòa bình và hạnh phúc. Như thế, những tư tưởng đầy tình thương ấy sẽ đi vòng quanh thế giới với mặt trời, bao trùm quả đất trong thời gian 24 tiếng đồng hồ chứ không phải chỉ có hai phút ngắn ngủi mà thôi.

ANH. — Báo Ceylon Observer ra ngày 23-3 D.L. có bài của đặc phái viên viết như sau :

« Các ngài đang chứng kiến sự phát sinh của nền Phật-Giáo mới mẻ, Phật - Giáo Âu - Tây » ông Chrestmas Humphreys một Phật-Tử có tiếng tăm ở Luân-Đôn đã diễn thuyết như thế với Liên-Đoàn Ai-hữu Tích-Lan.

Diễn giả đã phác họa qua sự truyền bá Đạo Phật ở phương Tây và nói rằng nhiều phái trong Phật - Giáo Âu - Tây đã hòa hợp lẫn nhau. Trong khi ông không thể chỉ rõ những chi tiết, ông bảo rằng sự ấy đã có những đặc điểm mà người Tây Âu thích muốn nên triết lý mới của đời sống trong khi họ đã chán nản với những tôn giáo thần quyền. Tây phương không muốn một vị-chúa-tớ nào, hay một thần quyền nào. Lay một lễ nghi nào. Họ chỉ cần một triết-lý hợp-lý, có thể thực nghiệm và tuộc về tri huệ. Diễn giả thêm rằng Tây phương rất cần và đến cần Phật dạy mọi người phải tự mình hoạt động để giải thoát mình, và xem Phật là một nhà du dắt sáng suốt.

ÚC-ĐẠI-LỢI. — Ở Brisbane một Phật-Tử biết ơn đã tin cho hay đã nhận được một Phật-Tượng nhỏ mà ông ta đã có nhờ sự giúp đỡ của Hội Phật-Giáo Thế-Giới. Tháng tư dương lịch năm ngoái, ông ta xin « hội Phật-học Colombo » tìm cho ông một Phật-Tượng để tham thiền và thờ phụng trong nhà. Kết quả tuy chậm nhưng đã được vừa lòng.

TÍCH-LAN. — Để tỏ lòng tôn kính với Thủ-Tướng Tích-Lan, những người bán thịt ở Tích-Lan đã tự cấm giết súc vật trong ngày hóa thiêu xác thân của vị lãnh tụ Phật-Giáo.

ĐÍNH CHÍNH

Trang 14 : « Đạo Phật xin đọc là « Phật Pháp ».

Trang 14 **giòng 35 :** « cùng đoán của người... ».
xin đọc : « cùng lý đoán của người... ».

Trang 14 ở **tiểu đề :** « Tinh thần căn bản của Đạo Phật » xin đọc : « Tinh thần căn bản của Phật Pháp ».

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.	5
NGÀY GIẢNG SANH VÀ NGÀY NIỆP DIỆT.	6
ĐỜI ĐỨC BỒN SU.	9
VAISAKHA.	
Ý NGHĨA NGÀY LỄ VAISAKHA	12
THI LÂM ANH SÁNG.	13
BÀI GIẢNG.	14
ĐẠO PHẬT	16
TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI TRONG NGÀY TRĂNG TRÒN (16-4 Âm-lịch)	18

K.D. số 525 KD/TV ngày 2-5-52. In tại nhà in Khánh-Quỳnh - Huế

Giá: 5\$00